

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

Số: 159 /ĐHH-HTQT
V/v: học bổng sau Đại học
của Chính phủ Hàn Quốc.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Kính gửi:

- Các Trường thành viên;
- Các Đơn vị trực thuộc;
- Các Ban chức năng Đại học Huế.

Đại học Huế trân trọng thông báo đến quý đơn vị thông tin về chương trình học bổng sau Đại học của Chính phủ Hàn Quốc năm 2016 (**2016 Korean Government Scholarship Program for Graduate Degree**) dành cho các ứng viên dưới 40 tuổi để tham gia các chương trình đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ tại 66 trường đại học/cơ sở giáo dục ở Hàn Quốc. Thông tin cụ thể như sau:

1. Các chương trình đào tạo và thời gian cấp học bổng:

- Chương trình Tiến sĩ: 04 năm (từ ngày 01/9/2016 đến ngày 31/8/2020)
- Chương trình Thạc sĩ: 03 năm (từ ngày 01/9/2016 đến ngày 31/8/2019)

2. Thời hạn nộp hồ sơ: Trước ngày 04/3/2016

3. Địa chỉ nộp hồ sơ: Ứng viên nộp hồ sơ đầy đủ đến địa chỉ:

Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam

Tầng 28, Tòa nhà Lotte Center Hà Nội, 54 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04-3831-5111~123 (Ms.Ngoc)

Thông tin chi tiết về chương trình vui lòng xem file đính kèm.

Đại học Huế đề nghị quý đơn vị phổ biến rộng rãi thông tin này đến cán bộ, giảng viên và sinh viên quan tâm nộp hồ sơ tham gia dự tuyển các chương trình học bổng trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Đại học Huế (để b/c);
- PGĐ Trường Quý Tùng (để b/c)
- Trang thông tin điện tử;
- Lưu: VT, HTQT.

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN HỢP TÁC QUỐC TẾ



★ Hoàng Hữu Hạnh

2016 Korean Government Scholarship Program For Graduate Degrees Application Guidelines

2016 정부초청외국인 대학원 장학생 모집요강

2016. 2.



INDEX

I. PROGRAM OBJECTIVES	1
II. TOTAL NUMBER OF GRANTEES: 815 CANDIDATES.....	1
III. AVAILABLE UNIVERSITIES AND FIELDS OF STUDY	4
IV. ELIGIBILITY	5
V. REQUIRED DOCUMENTS.....	7
VI. APPLICATION PROCEDURE	9
VII. SCHOLARSHIP INFORMATION	12
VIII. PERIOD OF SCHOLARSHIP	13
IX. KOREAN LANGUAGE PROGRAM	14
X. OTHER IMPORTANT NOTES	14
XI. CONTACT INFORMATION	15
FORM 1. Application Form	16
Appendix A. GPA Conversion Table	25
Appendix B. Contact Information of the Korean Embassies	26
Appendix C. Contact Information of Korean Universities	32

2016 Korean Government Scholarship Program

For Graduate Degrees

Application Guidelines

I. PROGRAM OBJECTIVES

The Korean Government Scholarship Program is designed to provide higher education in Korea for international students with the aim of promoting international exchange in education, as well as mutual friendship amongst the participating countries.

II. TOTAL NUMBER OF GRANTEES: 815 CANDIDATES

1. 2016 KGSP Quota Reserved for the Embassy Track: 490 Candidates (General + Korean Adoptees)

(1) Embassy Track Quota for General Applicants

COUNTRIES	QUOTA	NO. OF COUNTRIES
China	24	1
United States of America	15	1
Indonesia, Russia, Vietnam	10	3
Japan	9	1
India	8	1
Brazil, Myanmar, Ecuador, Bulgaria, Kyrgyzstan, Turkey	6	6
Bangladesh, Ethiopia, Ghana, Kazakhstan, Laos, Malaysia, Mongolia, Pakistan, Peru, Philippines, Sri Lanka, Thailand, Uzbekistan	5	13
Azerbaijan, Cambodia, Colombia, Cote d'Ivoire, Egypt, Germany, Israel, Italy, Mexico, Morocco, Nigeria, Panama, Senegal, Serbia, Taiwan, The United Kingdom, Tunisia, Turkmenistan, Uganda	4	19
Afghanistan, Argentina, Armenia, Brunei, Canada, Chile, Democratic Republic of the Congo, El Salvador, Finland, France, Gabon, Georgia, Hungary, Iraq, Jordan, Nepal, Oman, Republic of South Africa, Rwanda, Singapore, Sudan, Tajikistan, Tanzania, Timor-Leste, Venezuela	3	25
Algeria, Australia, Austria, Belarus, Belgium, Bolivia, Botswana, Burundi, Canada(Quebec), Costa Rica, Croatia, Czech Republic, Denmark, Dominican Republic, Fiji, Gambia, Greece, Guatemala, Honduras, Hong Kong, Iran, Ireland, Jamaica, Kuwait, Kenya, Latvia, Lebanon, Libya, Malawi, Mozambique, Netherlands, New Zealand, Norway, Paraguay, Poland, Portugal, Romania, Saudi Arabia, Slovakia, Slovenia, Spain, Switzerland, Sweden, the Bahamas, Togo, Trinidad and Tobago, Ukraine, Uruguay, Zambia, Zimbabwe	2	50
Albania, Angola, Bahrain, Barbados, Benin, Bosnia and Herzegovina, Burkina Faso, Central African Republic, Comoros, Djibouti, Equatorial Guinea, Estonia, Guinea-Bissau, Greenland, Guyana, Haiti, Lesotho, Madagascar, Mali, Mauritania, Mauritius, Montenegro, Namibia, Nicaragua, Niger, Palestine, Papua New Guinea, Qatar, Republic of the Congo, Republic of Seychelles, Saint Kitts and Nevis, Sao Tome Principe, Somalia, Suriname, Swaziland, Syria, United Arab Emirates	1	37
Total	475	157

- Applicants who decide to apply for the scholarship through the Embassy Track must submit their applications to the Embassy of the Republic of Korea in their respective home countries, listed above. (Refer to the section VI for the details on the application procedure)
- The quota allocation is decided based on the mutual agreements between Korea and the countries above.
- Among the assigned 490 candidates, 15 are reserved for the overseas Korean adoptees from 12 countries, separate from the quota assigned for the general applicants. (See below for more information.)

(2) Embassy Track Quota for Overseas Korean Adoptees

COUNTRIES	QUOTA	NO. OF COUNTRIES
The United States	3	1
France	2	1
Australia, Belgium, Canada, Denmark, Germany, Italy, Netherlands, Norway, Sweden, Switzerland	1	10
Total	15	12

- Overseas Korean adoptees who graduated or are expected to graduate from Korean universities are eligible to apply.

2. 2016 KGSP Quota Reserved for the University Track: 325 Candidates

COUNTRIES	QUOTA			NO. OF COUNTRIES
	General	Regional Univ.	Total	
Indonesia, Vietnam	8	4	12	2
Uzbekistan	8	3	11	1
Mongolia	6	4	10	1
Thailand	7	2	9	1
Cambodia, Kazakhstan, Philippines	6	3	9	3
Ethiopia, Malaysia, Myanmar, Pakistan, Russia	5	3	8	5
Bangladesh, Brazil, Mexico, Nepal, Nigeria	5	2	7	5
Ghana, India, Kyrgyzstan	5	1	6	3
Cameroon, Rwanda, Sri Lanka, Taiwan, Tanzania, Turkey	4	1	5	6
Egypt, Poland, Romania, The United States, Uganda, Yemen	4		4	6
Azerbaijan, Colombia, Guinea, Hungary, Laos, Liberia, Peru, Senegal	3		3	8

COUNTRIES	QUOTA			NO. OF COUNTRIES
	General	Regional Univ.	Total	
Algeria, Chile, Costa Rica, Dominican Republic, France, Germany, Iran, Italy, Japan, Jordan, Kenya, Lithuania, Mauritania, Moldova, Morocco, Netherlands, Sierra Leone, Singapore, Spain, Tajikistan, the Democratic Republic of the Congo, the United Kingdom, Turkmenistan, Ukraine, Zambia	2		2	25
Argentina, Australia, Austria, Belarus, Belgium, Belize, Bolivia, Bhutan, Bulgaria, Canada, Finland, Gabon, Greece, Israel, Lebanon, Maldives, New Zealand, Paraguay, Republic of the Congo, Slovakia, Solomon Islands, Sudan, Timor-Leste	1		1	23
Total	265	60	325	89

- Applicants who decide to apply for the scholarship through the university track must submit their applications to the designated Korean universities, listed in the section III. (Refer to the section VI for the details on the application procedure).
- Among the total of 325 candidates, 265 will be selected from all eligible fields of study.
- All applicants in the University Track must choose “General” as the type of application on the application form. (Refer to Form 1)
- Additional 60 are reserved for the regional university applicants in the field of Natural Science and Engineering from selected countries. Refer to the table above for the available countries. Refer to the table in the section III for the list of available regional universities

III. AVAILABLE UNIVERSITIES AND FIELDS OF STUDY

1. Available Universities: 66 universities or institutions designated by NIIED

	Available Universities (or Institutions)	By Type	Total
Non-Regional	Ajou University, Chung-Ang University, Dongguk University, Ewha Womans University, Gachon University, Gwangju Institute of Science and Technology, Hankuk University of Foreign Studies, Hanyang University, Hongik University, Inha University, KAIST (Korea Advanced Institute of Science and Technology), KDI School of Public Policy and Management, Konkuk University, Kookmin University, Korea Polytechnic University, Korea University, Kyunghee University, Myongji university, POSTECH(Pohang University of Science and Technology), Sangmyung University, Seoul National University, Seoul National University of Science and Technology, Sogang University, Sookmyung Women's University, Soongsil University, Sungkyunkwan University, The Academy of Korean Studies, Ulsan National Institute of Science and Technology, University of Science & Technology, University Of Seoul, Yonsei University	31	66
Regional	Busan University of Foreign Studies, Chonbuk National University, Chonnam National University, Chosun University, Chungbuk National University, Chungnam University, Daegu University, Donga University, Dongseo University, Gangneung-Wonju University, Gyeongsang National University, Hallym University, Handong Global University, Inje University, Jeju National University, Jeonju University, Keimyung University, Kongju National University, KOREATECH(Korea University of Technology and Education), Kumoh National Institute of Technology, Kyungpook National University, Kyungsung university, Namseoul University, Pai Chai University, Pukyong National University, Pusan National University, Semyung University, Silla University, Soonchunhyang University, Sunchon National University, Sunmoon University, University of Ulsan, Wonkwang University, Woosong University, Yeungnam University	35	

2. Available Fields of Study

- Detailed information about the fields and majors offered by the universities listed above is available under the University Information section on the website, www.studyinkorea.go.kr.
- Applicants must choose their desired fields of study from the listed programs.
- Night schools, seasonal programs, online and distant-learning programs are not included.

3. Available Degree Programs

- Doctoral degrees
- Master's degrees

IV. ELIGIBILITY

1. Nationality

- Applicants and their parents must hold foreign citizenship.
- Korean citizens, including those who hold dual citizenship, are NOT eligible to apply.
- Applicants and their parents who had previously held Korean citizenship must submit the document of the renunciation of their Korean citizenship.

2. Age

- Applicants must be under 40 years of age as of September 1, 2016 (born after September 1, 1976).

3. Degree Requirements

- Applicants must hold a Bachelor's or Master's degree as of August 31, 2016.
 - A Bachelor's degree, or a diploma equivalent to or higher than a Bachelor's degree, is required for a Master's program applicant.
 - A Master's degree, or a diploma equivalent to or higher than a Master's degree, is required for a Doctoral program applicant.
- An Applicant who is expected to obtain the official diploma by August 31, 2016 must submit a certificate of expected degree at the time of applying. The official diploma must be submitted as soon as it is issued by the applicant's *alma mater*.
- Applicants who have completed a degree, Bachelor's, Master's or Doctoral, in Korea are NOT eligible to apply.
- Applicants who have been enrolled at Korean universities as exchange students are eligible to apply.
- A KGSP scholar who graduated or are expected to graduate as of August 31, 2016 is eligible to apply under the following conditions:
 - He/ she is allowed to apply only via Embassy Track; and
 - The re-application is allowed only once.

4. Grades

- Applicants must maintain a grade point average (GPA) higher than any ONE of the followings:
 - 2.64 on a 4.0 scale;
 - 2.80 on a 4.3 scale;
 - 2.91 on a 4.5 scale; or
 - Score percentile: 80%
- Please refer to the Appendix A for the GPA conversion table.
- Applications with GPA below the threshold above will be automatically disqualified and discarded.
- It is required to submit an official document issued by the applicant's *alma mater* describing the university's evaluation system as well as the applicant's academic achievement in any ONE of the following cases:
 - An applicant's transcript does not include information on GPA, marks or score percentile; or
 - The grades on an applicant's transcript are difficult to be converted into any one of the GPA criteria mentioned above.

5. Health

- Applicants must be in good health, both mentally and physically, to stay in Korea for an extended period of time.
- Applicants must submit the Personal Medical Assessment, or Form 6, at the time of applying.
- All applicants who pass the 2nd round of selection must submit the results of the Comprehensive Medical Examination conducted by a licensed physician or a doctor.
- All of the following persons will be disqualified and their scholarships will be canceled:
 - Applicants who are tested HIV and drug positive; and
 - Applicants with serious health concerns to an extent that they are unable to pursue their studies for an extended period of time in Korea.
- Applicants with disability who meet the above criteria are eligible to apply.
- Those who are in pregnancy are NOT eligible to apply.

6. Restrictions

- Those who had withdrew from the scholarship after being selected as KGSP grantees in previous years are NOT eligible to apply.

7. Preferred Qualities

- Applicants with certified scores on their proficiency in Korean or in English might be given preference. Some examples include the following:
 - Proficiency in Korean: TOPIK (Test of Proficiency in Korean)
 - Proficiency in English: TOEFL, TOEIC, or IELTS Academic
- Applicants in the field of natural science, technology, and engineering might be given preference.
- Applicants for the majors under the *Industrial Professionals Training Project* (산업전문인력 역량강화사업) of the government of Korea might be given preference.
- The faculty members at a higher education institution from countries that receive Korea's Official Development Assistance (ODA) might be given preference.
- Descendants of the Korean War veterans receive additional 5% of the total marks during the selection reviews.

V. REQUIRED DOCUMENTS

1. List of Required Documents in Application

REQUIRED DOCUMENT CHECKLIST		MASTER'S	DOCTORAL
1	Application Form (Form 1)	MUST	MUST
2	Letter of Self-Introduction (Form 2)	MUST	MUST
3	Statement of Purpose (Form 3)	MUST	MUST
4	ONE Letter of Recommendation (Form 4)	MUST	MUST
5	KGSP Applicant Pledge (Form 5)	MUST	MUST
6	Personal Medical Assessment (Form 6)	MUST	MUST
7	Bachelor's Diploma or Certificate of Degree : original copy	MUST	MUST
8	Bachelor's Transcript: original copy	MUST	MUST
9	Master's Diploma or Certificate of Degree: original copy		MUST
10	Master's Transcript: original copy		MUST
11	Applicant's Proof of Citizenship	MUST	MUST
12	Parents' Proof of Citizenship	MUST	MUST
13	Certificate of Korean Citizenship Renunciation	OPTIONAL	OPTIONAL
14	Adoption Documents (Overseas Koreans Adoptees ONLY)	OPTIONAL	OPTIONAL
15	Certificate of Valid TOPIK: original copy	OPTIONAL	OPTIONAL
16	Certificate of Valid English Proficiency Test: original copy	OPTIONAL	OPTIONAL
17	Published Papers	OPTIONAL	OPTIONAL
18	Awards	OPTIONAL	OPTIONAL
19	Applicant's Passport Copy	Successful candidates of 2 nd Round ONLY	
20	Comprehensive Medical Examination Results		

2. Important Notes

- All application documents must be either in Korean or in English.
- Documents in any other languages must be accompanied by a complete Korean or English translation, authenticated by the issuing institution or notarized by a notary public.
- Submitted documents will not be returned to the applicants.
- Application documents must be presented in their original forms.

- The application documents must be submitted in the order of the checklist on the first page of the application form. Each required document must be numbered and labeled on the top right corner as the following.
 - Example: 7. Diploma of the Bachelor's Degree
- In case of submitting photocopied documents, **applicants MUST have the copies notarized or apostilled** and then submit the notarized or apostilled copies.
- In case of submitting the original documents that cannot be reissued, applicants are advised to submit notarized or apostilled copies of the original documents.
- Applications that contain incomplete or forged documents will be disqualified and the application in its entirety will be discarded.
- An applicant who is expected to graduate by August 31, 2016 must submit a certificate of expected degree in place of the diploma at the time of applying. The official diploma must be submitted by August 31, 2016.
- As for the submission of the published papers and awards, applicants are allowed to submit photocopies.
- The proof of citizenship include, but are not limited to, the following:
 - A birth certificate issued by the government of the applicant's country;
 - A certificate of family registration issued by the government of the applicant's country; or
 - Passport copies of the applicant and parents.
- The scores of the language proficiency test must be valid at the time of applying.

3. Embassy Track Application

- Applicants must submit ONE original application documents and THREE photocopies of the application documents.

4. University Track Application

- Applicants must submit ONE original application documents.

VI. APPLICATION PROCEDURE

1. Application Submission

- Applicants must apply for the Korean Government Scholarship Program via either the Embassy Track or the University Track.
- Institutions accepting applications
 - **117 Embassies of the Republic of Korea:** At some embassies, the Korean Education Center or the Korean Cultural Center is the department in charge of accepting and reviewing the KGSP applications. Contacting the embassy to inquire on the department in charge is strongly recommended.
 - **66 Universities in Korea**
- The application submitted to more than ONE institution above, will be automatically disqualified and discarded.
- Those who apply as overseas Korean adoptees must apply through the Korean Embassy in their home countries. Only those from the selected 12 countries (see the table in the section II-1-(2)) are eligible to apply under this option.
- KGSP alumni are eligible to apply through the Embassy Track only.
- **Applicants from China** must submit their applications to the China Scholarship Council, in accordance with the agreement between the government of Korea and the government of China.
- **Applicants from the Czech Republic** must submit their applications to the Ministry of Education of the Czech Republic, in accordance with the agreement between the government of Korea and the government of the Czech Republic.

2. Deadline of Application Submission

- The deadlines are set by the Korean Embassies and universities that accept applications.
- Applicants must check the deadline of the embassy or of the university by contacting them directly.
- Please refer to the following:
 - Contact information for embassies: See Appendix B.
 - Contact information for universities: See Appendix C or the University Information file, announced along with the current application guidelines.

3. Fields of Study and University Choice

(1) Embassy Track

- Applicants must choose **THREE** desired universities as well as fields of study out of the 66 universities listed above in section III.
- Applications that pass the 2nd round of selection will be reviewed by the universities for admission. (Please refer to “4. Selection Procedure” below.)

(2) University Track

- Applicants must choose **ONE** desired university out of the 66 universities listed above in section III.

- (3) For the list of available universities and degree programs, please refer to the “University Information” file, announced along with the guidelines.

4. Selection Procedure

1st Round of Selection

Applications are submitted either to the Korean Embassies or to the designated universities in Korea. The embassies and universities select the successful candidates among the applicants in the 1st round of selection. The applications of the successful candidates will then be forwarded to NIIED.

- Deadline to forward the applications of the successful candidates to NIIED is April 8, 2016.
- **Attention!** Applications arriving at NIIED after the deadline will not be considered for review in the 2nd round of selection, and the quotas will be substituted by the applications from other countries or universities.

2nd Round of Selection

The NIIED Selection Committee selects the successful candidates among those who pass the 1st round.

- The University Track applicants who pass the 2nd round of selection will automatically be granted admission to the university. The University Track applicants will be selected as the final successful candidates **ONLY** after they submit their medical examination results.
- Comprehensive Medical Examination
 - All candidates who pass the 2nd round must get comprehensive medical exams as required by NIIED, and submit the results to NIIED.
 - The medical exams must be conducted by a licensed physician or a doctor.
 - The medical forms will be emailed to the successful candidates of the 2nd round of selection.
 - If the results show that the applicant is unfit to study and live overseas for an extended period of time, he/she will be disqualified.

3rd Round of Selection (Embassy Track ONLY)

Among the successful candidates who have passed the 2nd round, the applications of those who applied through the Korean Embassies will be reviewed by universities for admission. Successful candidates must get admission from at least one of the universities.

5. Selection Criteria: Comprehensive Evaluation

- The applications will be reviewed by a selection committee at each round.
- The selection committees will consider many elements in selecting successful candidates. Examples include, but are not limited to, the following:
 - transcript;
 - the letter of self-introduction;
 - the statement of purpose;
 - the letter of recommendation; and
 - certificates of language proficiency (Korean and English), publications, awards, etc.

6. Estimated Timeline of Application Procedure

February – March	Application Submission <ul style="list-style-type: none"> The deadlines vary for each Korean embassy and university. Applicants must contact the embassy or the university to check the deadlines.
March	1st Round of Selection <ul style="list-style-type: none"> Korean Embassies Universities
April 8	Deadline of forwarding applications passing the 1 st round to NIIED
April 21 – 22	2nd Round of Selection <ul style="list-style-type: none"> Selection Committee at NIIED
May 3	Announcement of the 2nd Round of Selection Results <ul style="list-style-type: none"> GKS Notice on the website, www.studyinkorea.go.kr
May 4 – June 3	3rd Round of Selection (Embassy Track ONLY) <ul style="list-style-type: none"> For university admissions Universities will contact applicants individually regarding the admission results. Universities will notify NIIED regarding the admission results.
June 3 – 8	Applicants' Notice of the Final University/ Major Choice to NIIED
	Submission of Comprehensive Medical Examination Results
June 21	Announcement of the final results <ul style="list-style-type: none"> GKS Notice on the website, www.studyinkorea.go.kr Official notice will be sent to each Korean Embassy and Korean university
June 21 – July 1	Invitation Letters <ul style="list-style-type: none"> NIIED will issue invitation letters to the KGSP grantees via email. Universities will issue the certificates of admission to those who start their degree programs without the language program.
July 1 – 31	Korean Visa Application <ul style="list-style-type: none"> Where to apply: Korean embassies and consulates D-4 for those who start with the language program D-2 for those who start with the degree program
July 18 – August 12	Reservation of the Flight Tickets to Korea <ul style="list-style-type: none"> Prepared and offered by NIIED Further guides regarding the entry to Korea will be announced.
August 22 – 24	Entry to Korea
August 29 – 31	NIIED Orientation <ul style="list-style-type: none"> The KGSP grantees will be divided into three groups by region The orientation for each group will last for 6 hours.

VII. SCHOLARSHIP INFORMATION

1. Access to the Scholarship Information Available at the following:

- Global Korea Scholarship (GKS) Website: www.studyinkorea.go.kr
 - Application guidelines
 - Application forms
 - University information
- Embassies of the Republic of Korea: Refer to the Appendix B for contact information.
- Universities in Korea: Refer to the Appendix C for contact information.

2. Scholarship Benefits

- Airfare
 - Entry to Korea: an economy class flight ticket to Korea
 - Return flight: an economy class flight ticket from Korea to KGSP grantee's home country
 - The airfare for entry will NOT be provided to scholars who have resided in Korea from the time of applying and on.
 - The return flight is available only for the KGSP grantees who successfully complete their degree coursework.
 - The return flight is NOT offered for those who withdraw from the scholarship.
 - Any fees incurred in the domestic travel within a KGSP grantee's home country are NOT covered.
 - International travel insurance is NOT covered.
 - The flight tickets for the Chinese and Czech KGSP grantees will be prepared and provided by the Chinese and the Czech governments, according to the agreements with the Korean government.
- Settlement Allowance: 200,000 KRW
- Monthly Allowance: 900,000 KRW
- Research Allowance
 - Liberal Arts and Social Science Degrees: 210,000 KRW per semester
 - Science, Technology and Engineering Degrees: 240,000 KRW per semester
- Language Training Fees: Fully covered
- Degree Tuition: Fully covered
 - Tuition up to 5 million KRW is covered by NIIED, and the amount that exceeds 5 million is covered by the host university.
 - The KGSP grantees are waived from the admission fees of the universities.
- Dissertation Printing Fee Reimbursement
 - The actual cost of printing as written on the receipt will be reimbursed.
 - The maximum amount is 500,000 KRW for degrees in Liberal Arts and Social Science and 800,000 KRW for degrees in Science, Technology and Engineering.
- Medical Insurance: 20,000 KRW per month

- Korean Proficiency Grants: 100,000 KRW per month
 - This special funding is available for KGSP grantees with levels 5 and 6 on TOPIK.
- Scholarship Completion Grants: 200,000 KRW
 - It is offered for the KGSP grantees who return to their home countries after completing their degree coursework under the scholarship.
 - It is not offered for the KGSP grantees who decide to stay in Korea after the completion of their degree coursework.

VIII. PERIOD OF SCHOLARSHIP

1. Doctoral Degree Program: 4 Years Total (September 1, 2016 – August 31, 2020)

- 1 Year Korean Language Program
- 3 Year Degree Program

2. Master's Degree Program: 3 Years Total (September 1, 2016 – August 31, 2019)

- 1 Year Korean Language Program
- 2 Year Degree Program

3. Important Notes on the Scholarship Period.

- The scholarship period for the degree program cannot and will not be extended.
- The scholarship period for the language program will not affect the scholarship period for the degree program. For example, even if a grantee takes 6 months of the language program instead of 1 year, the period that the KGSP covers for his/her degree program will remain intact (2 years for Master's degree and 3 years for Doctoral degrees).
- KGSP grantees with advanced TOPIK levels (Levels 5 and 6)
 - Those who have the advanced levels at the time of applying will be exempted from the 1-year Korean language program. The exempted period will be deducted from the total scholarship period, down to 2 years for Master's degrees and 3 years for Doctoral degrees.
 - Those who achieve the advanced levels on TOPIK within the first 6 months of the language program will be exempted from the Korean language program and must start their degree programs in the following semester. The exempted period will be deducted from the total scholarship period, down to 2.5 years for Master's degrees and 3.5 years for Doctoral degrees.

IX. KOREAN LANGUAGE PROGRAM

- All scholars, unless exempted, must take the 1-year Korean language program at language institutions assigned by NIIED.
- Exemption of the Korean language program
 - The KGSP grantees with advanced levels (5 & 6) on TOPIK at the time of applying will be exempted from the language program and must start their degree programs upon arriving in Korea.
 - The KGSP grantees who achieve advanced levels on TOPIK within the first 6 months of their language program, will be exempted from it in the following semester and must start their degree programs.
 - A valid TOPIK certificate must be submitted to NIIED.
- When assigning the language institution, NIIED considers the following:
 - The language institution is not located in the same city as the scholar's degree university; and
 - The language institution offers a variety of opportunities for the scholars to learn different local cultures of Korea.
- The language institution for successful KGSP grantees will be announced along with the final results.
- Note that the assigned language institution cannot and will not be changed.
- The KGSP grantees in the Korean language program must live on-campus at the language institutions.
 - Most rooms of the university dormitories are shared with roommates.
 - Living with family members is strictly forbidden.
- Prerequisite to complete the language program
 - The KGSP scholars must obtain at least level 3 on TOPIK by the end of the 1-year Korean language program, in order to be able to proceed to their degree programs.
 - The failure in achieving the level 3 on TOPIK within the 1-year language program will result in the cancellation of the scholarship.

X. OTHER IMPORTANT NOTES

1. Medical Insurance

- Universities and language institutions will purchase medical insurance plans on behalf of the KGSP grantees.
- The insurance plan will be effective after the designated dates of arrival.
- The medical fees incurred throughout the scholarship period will be reimbursed by the insurance company.
 - KGSP grantees must pay for the hospital fees first and submit the receipt to the insurance company
 - The insurance company will refund part of the fees. It is the KGSP grantees' responsibility to check the insurance terms and policies, which will be given through the universities and language institutions.
- The medical insurance will not cover the expenses for dental or chronic diseases.

2. Scholarship Withdrawal or Cancellation

- The KGSP grantees who forfeit and withdraw from the scholarship will NOT receive the returning flight tickets or the Scholarship Completion Grants.

- The KGSP grantees who forfeit and withdraw from the scholarship within the first 3 months after the entry to Korea MUST return the scholarship fees that they have received during the mentioned period. It will include the airfare of the entry ticket to Korea, the settlement allowance, monthly allowance, medical insurance fees, and tuition.

3. Restriction on Changing Universities and Degrees

- Transferring to a different university under this scholarship is NOT permitted in any case.
- Changing majors may be possible in limited situations only, including but not limited to the following:
 - with the approval of the applicant’s university and concerned departments; or
 - with the scholarship period unchanged. (3 years for Doctoral and 2 years for Master’s)

XI. CONTACT INFORMATION

1. Embassies of the Republic of Korea: Please refer to the Appendix B.

2. Universities: Please refer to the Appendix C.

3. Global Korea Scholarship (GKS) Team, NIIED

- Emails
 - cgyoo@moe.go.kr
 - lmhlucy2015@moe.go.kr
- Telephone
 - 82-2-3668-1364
 - 82-2-3668-1389
- Fax: 82-2-743-4992
- Address: 191 Jeongja il-ro, Bundang-gu, Seongnam-si, Gyeonggi-do 13557, Republic of Korea
- Websites
 - www.studyinkorea.go.kr
 - www.niied.go.kr

4. Other Useful Websites

Learn Korean	www.kosnet.go.kr
Korean Portal	www.korea.net
Ministry of Foreign Affairs	www.mofa.go.kr
Visa and Immigration	www.immigration.go.kr
	www.hikorea.go.kr
Higher Education in Korea	heik.academyinfo.go.kr

FORM 1. Application Form

Application Checklist

지원자 제출서류 체크리스트

REGISTRATION NUMBER	

*Leave this table blank

Institution Receiving Application (접수기관) :

Person in Charge (확인자) :

Signature(인)

- 1) Name of Applicant: (Surname) _____ (Given Name) _____
- 2) Country : _____
- 3) Desired Degree Program : ☐ Doctoral ☐ Master's

(*Please check (✓) in the appropriate box.)

Application Documents		Submission Status	
		Yes	No
1	Application Form (Form 1)		
2	Self-Introduction Letter (Form 2)		
3	Statement of Purpose (Form 3)		
4	ONE Letter of Recommendation (Form 4)		
5	KGSP Applicant Pledge (Form 5)		
6	Personal Medical Assessment (Form 6)		
7	Bachelor's Diploma or Certificate of Degree : original copy		
8	Bachelor's Transcript: original copy		
9	Master's Diploma or Certificate of Degree: original copy		
10	Master's Transcript: original copy		
11	Applicant's Proof of Citizenship		
12	Parents' Proof of Citizenship		
13	Certificate of Korean Citizenship Renunciation		
14	Adoption Documents (Overseas Koreans Adoptees ONLY)		
15	Certificate of TOPIK: original copy		
16	Certificate of English Proficiency Test: original copy		
17	Published Papers		
18	Awards		

Korean Government Scholarship Program (KGSP) for Graduate Degrees Application Form

Please check (☑) the following. Click the box to check or uncheck.

1. Application Track 추천기관

☐ Embassy 재외공관 ☐ University 국내대학

2. Type of Application 추천유형

☐ General 일반추천 ☐ Overseas Korean Adoptee 입양인

3. Desired Field of Study 희망계열

☐ Liberal Arts and Social Science 인문사회계열
☐ Science, Technology and Engineering 자연공학계열
☐ Arts and Sports 예체능계열

4. Degree Program to Apply 지원과정

☐ Doctoral 박사과정 ☐ Master's 석사과정

Please complete the form below. It **must** be typed in English **ONLY**.

Full Name 성명	Surname 성		Given Name 이/름		Gender 성별		Marital Status 결혼여부		Photo Size: 3cm x 4cm
					<input type="checkbox"/> Male <input type="checkbox"/> Female		<input type="checkbox"/> Single <input type="checkbox"/> Married		
※ Write the passport name.									
Date of Birth 생년월일 (YYYY/MM/DD)			Age 나이						
Country 국가			Citizenship 국적						
Passport 여권정보	Number								
	Date of Issue				Date of Expiry				
Contact Information 연락처 *Must be applicant's	Address								
	Phone (Must start with the country code)								
	E-mail								
Most Recently Attended University 최종학력	University Name 학교명				Location (City, Country) 소재국가/도시				
	Achieved or Expected Degree 학위		<input type="checkbox"/> Bachelor's <input type="checkbox"/> Master's		Major 전공				
	Degree Thesis Title 최종학위논문제목								
Language Abilities 어학능력	TOPIK Level		<input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/> 5 <input type="checkbox"/> 6			English Proficiency Test Scores 영어공인성적		Type	Score

Published Papers (If available)																			
Awards (If available)																			
Choice of University/ Major 지원신청대학		University 대학						Division 계열						Department 학과명					
※ Attention! Embassy Track applicants must choose THREE universities and majors. University Track applicants must choose ONE university and major.																			
Choice #1																			
Choice #2																			
Choice #3																			
Previously Achieved Degree(s) 학력		Period 기간			University/ Institution 학교명						Country 소재국			Major 전공분야			Degree 학위		
GPA* (ONLY for terms or semesters completed) 성적 (이수 학기만)	School Year	1 st year			2 nd year			3 rd year			4 th year			5 th year			Cumulative GPA 평균평점	Score Percentile 환산점수	
	Term/ Semester	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3			
	Bachelor's	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/			
	Master's	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/			
Employment or Professional Research Experience 직업 혹은 연구경력		Period			Institution/ Company						Position			Responsibilities					
Previous Visits to Korea 과거 한국 거주 또는 체류 사실		Period			Purpose of Stay						City or Region			Affiliated Organization					
Previously Received Scholarship Awards from Korean institutions 장학금 수혜		Sponsor 지원기관						Grant Amount 지원금액 (USD/year)						Period 수혜기간					
								/											
								/											
<div style="text-align: right;"> 년(yyyy) 월(mm) 일(dd) </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; margin-top: 10px;"> Applicant's Name : (signature) </div>																			

* GPA(Grade Point Average) must be converted to percentile scores. Refer to the Appendix A for the conversion table.

* Doctoral degree applicants must put grades information both for Bachelor's degree and Master's degree.

FORM 2. Letter of Self-Introduction

Please type in Korean or in English. The letter must be single spaced within ONE page, with the font **Times New Roman**, size 10.

(*10 points)

- o Your course of life, your view of life, study background, your hopes & wishes, etc
- o Your education and work experience, etc., in relation to the KGSP program
- o Your motivations for applying for this program
- o Reason for study in Korea

FORM 3. Statement of Purpose

*Please type in Korean or in English. The statement of purpose must be single spaced with no more than TWO pages, with the font Times New Roman, size 10. (*10 points)*

Goal of study & Study Plan	<i>o Goal of study, title or subject of research, and detailed study plan</i>
Future Plan after Study	<i>o Future plan in Korea or another country after study in Korea</i>

FORM 4. Letter of Recommendation

To the applicant: Please fill in your name and the other required information below. In turn, deliver or email this form to the person who will write this letter. **NOTE:** Request your recommender to seal his or her letter of recommendation in an official envelope and sign across the back flap upon completion. Recommendation letters that are not sealed and signed will not be accepted.

Confidential

Name of Applicant: (Surname) _____ (Given Name) _____

Nationality: _____

Desired Degree Program: ☐ Master's ☐ Doctoral

Desired Major:

To the recommender: The person named above has applied for the 'Korean Government Scholarship Program'. We ask for your assistance, and would appreciate your frank and candid appraisal of the applicant.

* **Please type or print clearly using black ink.**

1. How long have you known the applicant and in what relationship?

Please assess the applicant's qualities in the evaluation table given below. Rate the applicant compared to other classmates who are/were in the same school year with him/her.

Classification	Truly Exceptional	Excellent	Very Good	Good	Below Average	N/A
	Top 2%	Top 10%	Top 25%	Middle 50%	Lower 25%	
Academic Achievement						
Future Academic Potential						
Integrity						
Responsibility/Independence						
Creativity/Originality						
Communication Skills						
Interpersonal skills						
Leadership						

1. What do you consider to be the applicant's strengths?

2. What do you consider to be the applicant's weaknesses?

3. How well do you think the applicant has thought out plans for graduate study?

4. Please comment on the applicant's performance record, potential, or personal qualities which you believe would be helpful in considering the applicant's application for the proposed degree program.

Recommender's Name _____ Date _____

Recommender's Signature _____

Position or Title: _____

University (Institution): _____

Address: _____

(zip-code: _____ - _____)

Tel: _____ Fax: _____

Please return this form sealed in an official envelope and signed across the back to the applicant. We greatly appreciate your timeliness regarding this letter for your recommendee.

FORM 5. KGSP Applicant Pledge

Pledge

As an applicant for the 2016 “Korean Government Scholarship Program (KGSP) for Graduate Study”, I pledge to abide by the following rules:

- (1) To refrain from violation of university regulations and to fulfill my obligations as a KGSP scholar to the best of my ability.
- (2) To behave in a manner appropriate to Korean culture and society, and not to participate in any form of political activity (such as organizing a political party, joining a political party, attending political meetings, publishing political articles and declarations, organizing or participating in demonstrations of a political nature, and so on).
- (3) To accept responsibility for paying any debts incurred in Korea
- (4) To agree with NIIED's decision concerning the graduate program and the Korean language course
- (5) To abide by all terms and regulations set by NIIED.
- (6) To permit NIIED to use my personal information for the KGSP.

If I am proved to have violated any of the above or to have made a false statement in my application documents, I shall accept any resolution or penalty made by NIIED, even when it may/might result in suspension, revocation or withdrawal of my scholarship.

I was informed and fully understand that KGSP scholars are not permitted to transfer schools for the entire duration of scholarship after confirming their host institution including Korean language institution.

Date (YYYY/ MM/ DD):

Applicant's Name :

(signature)

FORM 6. PERSONAL MEDICAL ASSESSMENT

Attention! Applicants are not required to undergo an authorized medical exam before passing the 2nd Selection with NIIED. The successful candidates of the 2nd round of selection, however, must get the comprehensive medical examinations from a licensed physician or a doctor (including an HIV and TBPE drug test**, etc) in accordance with the requirements of the Korea Immigration Service and the KGSP. If the results show that the applicant is unfit to study and live overseas more than 3 years, he/she may be disqualified.

**The TBPE (tetrabromophenolphthalein ethyl ester) drug tests are for evaluating past usage of stimulant drugs.

Gender	<input type="checkbox"/> Male <input type="checkbox"/> Female	HEIGHT	cm		WEIGHT	kg
QUESTION			YES	NO	IF YES, PLEASE EXPLAIN	
Have you ever had an infectious disease that posed a risk to public health (such as, but not limited to, tuberculosis, HIV and other STDs)?						
Do you have allergies?						
Do you have hyper tension?						
Do you have diabetes?						
Do you have any type of Hepatitis?						
Have you ever suffered from or been treated for depression, anxiety, or any other mental or mood disorder? (If you have received treatment, please explain and attach an official medical report.)						
Have you ever been addicted to alcohol?						
Have you ever abused any narcotic, stimulant, hallucinogen or other substance (whether legal or prohibited)?						
Have you been hospitalized in the last two (2) years?						
Have you had any serious injury, ailment or sickness in the last five (5) years?						
Do you have any visual or hearing impairments?						
Do you have any physical disabilities?						
Do you have any cognitive/mental disabilities?						
Are you taking any prescribed medication?						
Are you on a special diet?						

Appendix A. GPA Conversion Table

4.0 Scale	4.3 Scale	4.5 Scale	5.0 Scale	100 Points Scale
3.97 ~ 4.0	4.26 ~ 4.3	4.46 ~ 4.5	4.95 ~ 5.00	100
3.92 ~ 3.96	4.22 ~ 4.25	4.41 ~ 4.45	4.90 ~ 4.94	99
3.88 ~ 3.91	4.17 ~ 4.21	4.36 ~ 4.40	4.84 ~ 4.89	98
3.84 ~ 3.87	4.12 ~ 4.16	4.31 ~ 4.35	4.79 ~ 4.83	97
3.80 ~ 3.83	4.08 ~ 4.11	4.26 ~ 4.30	4.73 ~ 4.78	96
3.75 ~ 3.79	4.03 ~ 4.07	4.21 ~ 4.25	4.68 ~ 4.72	95
3.71 ~ 3.74	3.98 ~ 4.02	4.16 ~ 4.20	4.62 ~ 4.67	94
3.67 ~ 3.70	3.93 ~ 3.97	4.11 ~ 4.15	4.57 ~ 4.61	93
3.62 ~ 3.66	3.89 ~ 3.92	4.06 ~ 4.10	4.51 ~ 4.56	92
3.58 ~ 3.61	3.84 ~ 3.88	4.01 ~ 4.05	4.45 ~ 4.50	91
3.49 ~ 3.57	3.75 ~ 3.83	3.91 ~ 4.00	4.34 ~ 4.44	90
3.41 ~ 3.48	3.65 ~ 3.74	3.81 ~ 3.90	4.23 ~ 4.33	89
3.32 ~ 3.40	3.56 ~ 3.64	3.71 ~ 3.80	4.12 ~ 4.22	88
3.24 ~ 3.31	3.46 ~ 3.55	3.61 ~ 3.70	4.01 ~ 4.11	87
3.15 ~ 3.23	3.37 ~ 3.45	3.51 ~ 3.60	3.90 ~ 4.00	86
3.07 ~ 3.14	3.27 ~ 3.36	3.41 ~ 3.50	3.79 ~ 3.89	85
2.98 ~ 3.06	3.18 ~ 3.26	3.31 ~ 3.40	3.68 ~ 3.78	84
2.90 ~ 2.97	3.09 ~ 3.17	3.21 ~ 3.30	3.57 ~ 3.67	83
2.81 ~ 2.89	2.99 ~ 3.08	3.11 ~ 3.20	3.45 ~ 3.56	82
2.72 ~ 2.80	2.90 ~ 2.98	3.01 ~ 3.10	3.34 ~ 3.44	81
2.64 ~ 2.71	2.80 ~ 2.89	2.91 ~ 3.00	3.23 ~ 3.33	80

Appendix B. Contact Information of the Korean Embassies

No	Country	TEL	FAX	Email
1	Afghanistan	93-20-210-2481	93-20-210-2725	kabul@mofa.go.kr
2	Algeria	213-21-54-65-55	213-21-54-65-70	koemal@mofa.go.kr
3	Angola <Namibia>	244-222-006-067~8	244-222-006-066	korembassy_angola@mofa.go.kr
4	Argentina	(54-11) 4802-9665/8865/8062/0923	(54-11) 4803-6993	argentina@mofa.go.kr
5	Australia	(61 2) 6270-4100	(61 2) 6273-4839	australia@mofat.go.kr
6	Austria <Slovenia>	(43-1) 478-1991	(43-1) 478-1013	mail@koreaemb.at
7	Azerbaijan <Georgia>	(994-12) 596-7901-3	(994-12) 596-7904	azeremb@mofat.go.kr
8	Bahrain	973-1753 1120	973-1753 1140, 0577	koreanembassy.bahrain@gmail.com
9	Bangladesh <Bhutan>	(8802) 881-2088~90, 881-2041	(8802) 882-3871	embdhaka@mofa.go.kr
10	Belarus	(375-17) 306-0147-9	(375-17) 306-0160	belemb@mofat.go.kr
11	Belgium	32 (0)2 675 57 77	32 (0)2 675 52 21	eukorea@mofa.go.kr
12	Bolivia	(591) 2-211-0361~3	(591) 2211 0365	coreabolivia@gmail.com
13	Brasil	(55-61)3321-2500	(55-61)3321-2508	emb-br@mofa.go.kr
14	Brunei	(673) 2330248, 2330249, 2330250	(673) 233-0254	brunei@mofa.go.kr
15	Bulgaria	(359-2) 971-2181	(359-2) 971-3388	korean-embassy@mofat.go.kr
16	Cambodia	(855-23)211 900/3	(855-23)219 200	cambodia@mofa.go.kr
17	Cameroon <Central African Republic>	237-2220-3756, 6237-2220- 4127	237-2220-3757	cameroon@mofa.go.kr
18	Canada	(613) 244-5010	(613) 244-5043, 613-244-5034	canada@mofa.go.kr
19	<Quebec(Montreal)>	(514) 845-2555	(514) 845-1119	montreal@mofa.go.kr
20	Chile	(56-2) 2228 4214	(56-2) 2206 2355	embajadadecoreaenchile@gmail.com
21	China	(86-10) 8531-0700	(86-10)8531-0726	(CSC contact info) 66093900/88393619

No	Country	TEL	FAX	Email
22	Colombia	(571) 616-7200, 8149, 8872	(571) 610-0338	embacorea@mofa.go.kr
23	Costa Rica	(506)2220-3160, 3166, 3159	(506)2220-3168	koco@mofa.go.kr
24	Cote d'Ivoire <Burkina Faso, Niger>	(225)2248-6701/2248-6703	(225)2248-6757	ambcoabj@mofat.go.kr
25	Croatia <Bosnia and Herzegovina>	385-(0)1-4821-282	N/A	croatia@mofa.go.kr
26	Czech	234-090-411	234-090-450	czech@mofa.go.kr
27	DR Congo <Congo>	243) (0)1-503 5001~4	243) (0)1-505 0005	amb-congo@mofat.go.kr
28	Denmark <Greenland>	45 39 46 04 00	45 39 46 04 22	korembdk@mofat.go.kr
29	Dominican Republic <Saint Kitts and Nevis, Bahamas, Haiti>	(1-809) 482-6505	(1-809) 482-6504	embcod@mofa.go.kr
30	Ecuador	593-2-290-9227~9229	593-2-298-7127	ecuador@mofa.go.kr
31	Egypt	3761-1234~7	3761-1238	egypt@mofa.go.kr
32	El Salvador	(503) 2263-9145	(503) 2263-0783	embcorea@mofa.go.kr
33	Ethiopia <Djibouti, Seychelles>	(251-11)3-72 81 11~14	(251-11)3-72 81 15	ethiopia@mofa.go.kr
34	Fiji	(679) 330-0977, 330-0683, 330-0709	(679) 330-8059	korembfj@mofa.go.kr
35	Finland <Estonia>	(358-9)251 5000	(358-9)251 50055	korembfi@mofa.go.kr
36	France	33-01-4753-6991 33-01-4753-6977	33-01-45-51-5592	frn_educn@mest.go.kr
37	Gabon <Equatorial Guinea, Sao Tome and Principe>	(00241) 0530-1900, 05-30-1901	(00241) 0173-9905	gabon-ambcoree@mofa.go.kr
38	Germany	49-(0)228-943-790	49-(0)228-372-7894	admin-bn@mofa.go.kr
39	Ghana <Benin, Togo>	(+233-30) 277-6157, 7533, 9921, 1705, 8410	(+233-30) 277-2313	ghana@mofa.go.kr
40	Greece <Albania>	30-210-698-4080/2	30-210-698-4083	gremb@mofa.go.kr
41	Guatemala	(502) 2382-4051 ~ 542	(502) 2382-4057	korembsy@mofa.go.kr
42	Honduras	(504) 2235-5561/3	(504) 2235-5564	coreaembajada@mofa.go.kr
43	Hong Kong	(+852)2529-4141	(+852) 2861-3699	hkg-info@mofa.go.kr
44	Hungary	(36-1) 462-3080	(36-1) 351-1182	hungary@mofa.go.kr
45	India	(91-11) 4200-7000	(91-11) 2688-4840	india@mofa.go.kr

No	Country	TEL	FAX	Email
46	Indonesia	62-21-2967-2555	62-21-2967-2556	koremb_in@mofa.go.kr
47	Iran	(98) 21-8805-4900~4	(98) 21-8805-4899	emb-ir@mofa.go.kr
48	Iraq	964 -(0)77-0725-2006	N/A	kembirag@mofa.go.kr
49	Ireland	353 (0)1 660 8800/8053, 668 2109	353 (0)1 660 8716	irekoremb@mofa.go.kr
50	Israel	(972)9-951-0318/22	(972)9-956-9853	israel@mofa.go.kr
51	Italy	(39) 06-802461	(39)06-8024-6259	consul-it@mofa.go.kr
52	Jamaica	(1-876) 924-2731, 4198	(1-876) 924-7325	jamaica@mofa.go.kr
53	Japan	(81-3)3452-7611/9	(81-3)3452-7420	N/A
54	Jordan	(962-6)593-0745~6	962-6)593-0280	jordan@mofa.go.kr
55	Kazakhstan	7-727-246-8897,8898	7-727-246-9011	almakorea@mofat.go.kr
56	Kenya <Comoros, Mauritius, Somalia>	254-20-361-5000	254-20-374-1337~8	emb-ke@mofa.go.kr
57	Kuwait	(965) 2537-8621/2/3	(965) 2537-8628/9	kuwait@mofa.go.kr
58	Kyrgyzstan	(+996)312-57-5923, 57-5974, 56-0271	(+996)312-57-6004	korea.kg@gmail.com
59	Lao PDR	856-21-352-031~3	856-21-352-035	laos@mofa.go.kr
60	Latvia	371-6732-4273	N/A	N/A
61	Lebanon <Syria>	(961)- 5-953167~9	(961)-5-953170	lbkor@mofa.go.kr
62	Libya	(218-21) 483-1322/1323/1326	(218-21) 483-1324	libya@mofat.go.kr
63	Malaysia	(603) 4251-2336	(603) 4252-1425	korem-my@mofa.go.kr
64	Mexico <Belize>	52-55-5202-9866	52-55-5540-7446	embcoreamx@mofat.go.kr
65	Mongolia	(976-11) 32-1548	(976-11) 31-1157	kormg@mofa.go.kr
66	Morocco <Mauritania>	(0537) 75-1767, 6791, 6726, 1966	(0537) 75-0189	morocco@mofat.go.kr
67	Mozambique	+258 21 495 625	+258 21 495 638	embassy_mz@mofa.go.kr
68	Myanmar	95-1-527142~4,	95-1-513286	myanmar@mofa.go.kr
69	Nepal	(977-1) 4270172, 4277391, 4270417	(977-1) 4275485/ 4272041	konepemb@mofa.go.kr

No	Country	TEL	FAX	Email
70	Netherlands	31-70-358-6076 (국내)070-358-6076)	31-70-350-4712	koreanembassynl@mofa.go.kr
71	New Zealand	(64-4)473-9073/4	(64-4)472-3865	info-nz@mofa.go.kr
72	Nicaragua	(505)2254-8110, 8107	(505)2254-8131	nicaragua@mofa.go.kr
73	Nigeria <Liberia, Sierra Leone>	234-(0)9- 461-2701	234-(0)9- 461-2702	emb-ng@mofat.go.kr
74	Norway	(47) 22 54 70 90	(47) 22 56 14 11	kornor@mofa.go.kr
75	Oman	(968)24691490,24691491,2469 1492	(968)24691495	emboman@mofa.go.kr
76	Pakistan	(92-51) 227-9380/1, 227- 9385/6/7	(92-51) 227-9391, 287-3145	pakistan@mofa.go.kr
77	Palestine	972-2-240-2846/2847	972-2-240-2848	palestine@mofat.go.kr
78	Panama	507-264-8203, 8360	507-264-8825	panama@mofa.go.kr
79	Papua New Guinea <Solomon Is.>	(675) 321-5822, 5823, 5824	(675) 321-5828	embpng@mofa.go.kr
80	Paraguay	(595-21) 605-606	(595-21) 601-376	paraguay@mofa.go.kr
81	Peru	(51-1) 632-5000	(51-1) 632-5010	peru@mofa.go.kr
82	Philippines	(63-2) 856-9210	(63-2) 856-9008, 9019	philippines@mofa.go.kr
83	Poland <Lithuania>	(48-22) 559-2900~04	(48-22) 559-2905	koremb_waw@mofa.go.kr
84	Portugal	351 21 793 7200	351 21 797 7176	embpt@mofa.go.kr
85	Qatar	974-4483-2238~9	974-4483-3264	koemb_qa@mofa.go.kr
86	Romania	(40-21)230-7198	(40-21)230-7629	romania@mofa.go.kr
87	Russia <Armenia>	(7-495)783-2727	(7-495)783-2777, (7-495)783-2797	embru@mofa.go.kr
88	Rwanda <Burundi>	250-252-577-577	250-252-572-127	koremb-rwanda@mofat.go.kr(국문) koremb-rwanda@hotmail.com(영문)
89	Saudi Arabia	966-11-488-2211	966-11-488-1317	emsau@mofat.go.kr
90	Senegal <Gambia, Guinea, Guinea Bissau, Mali>	(+221) 33 824 06 72	(+221) 33 824 06 95	senegal@mofa.go.kr
91	Serbia <Montenegro>	381-11-3674-225	381-11-3674-229	koreanembsb@hotmail.co.kr
92	Singapore	(65) 6256-1188	(65) 6254-3191	info@koreaembassy.org.sg
93	Slovakia	421 (0) 2 3307 0711	421 (0) 2 3307 0730/31	admin2@rokembassy.sk

No	Country	TEL	FAX	Email
94	South Africa <Botswana, Lesotho, Madagascar, Swaziland>	012-460-2508/9	012-460-1158	embsa@mofa.go.kr
95	Spain	91-353-2000	91-353-2001	embspain.adm@mofa.go.kr
96	Sri Lanka <Maldives>	(94-11) 2699036-8	(94-11) 269-6699	korembsl@mofa.go.kr
97	Sudan	(249)1-8358-0031~2	(249)1-8358-0025	sudan@mofat.go.kr
98	Sweden	(46-8) 5458-9400	(46-8) 660-2818	koremb.sweden@mofat.go.kr
99	Switzerland	(41-31) 356-2444	(41-31) 356-2450	swiss@mofa.go.kr
100	Taiwan	(886)-2-2758-8320 ~ 5	(886)-2-2757-7006	taipei@mofa.go.kr
101	Tajikistan	992-44) 600-2114, 9116	992-37) 221-2423	tajik@mofa.go.kr jyahn@mofa.go.kr(consular service)
102	Tanzania	255 22 211 6086~8	255 22 211 6099	embassy-tz@mofa.go.kr
103	Thailand	(662) 247-7537 ~ 39	(662)247-7535	koembth@gmail.com
104	Timor-Leste	(670) 332 1635	(670) 332 1636	koreadili@mofa.go.kr
105	Trinidad and Tobago <Barbados>	1-868-622-9081/1069	1-868-628-8745	trinidad@mofat.go.kr / koremb.tt@gmail.com
106	Tunisia	(216) 71-799-905 / 71-893-060	(216) 71-791-923	tunisie@mofa.go.kr
107	Turkey	90-312-468-4821~3	90-312-468-2279	turkey@mofa.go.kr
108	Turkmenistan	(993-12) 94-72-86~8	993-12-94-72-89	korembtm@mofat.go.kr
109	Uganda	256-414-500-197~8	256-414-500-199	emb.kampala@mofat.go.kr
110	Ukraine <Moldova>	(38-044) 46-3759/61	(38-044) 246-3757	koremb@mofa.go.kr
111	United Arab Emirates	971-2-6439122	971-2-643-9133	uae@mofa.go.kr
112	United Kingdom	44 (0)20 7227 5500	44 (0)20 7227 5503	koreanembinuk@mofa.go.kr
113	Uruguay	(598) 2628-9374~5	(598) 2628-9376	koemur@gmail.com
114	USA	202-939-5600	202-797-0595	N/A
115	Uzbekistan	998-71) 252-3151~ 3	998-71) 140 - 0248	uzkoremb@mofa.go.kr
116	Venezuela <Guyana, Suriname>	(58-212)954-1270/ 1006/1139	(58-212)954-0619	venezuela@mofat.go.kr
117	Vietnam	84-4) 3831-5110~6	84-4) 3831-5117	korembviet@mofa.go.kr



No	Country	TEL	FAX	Email
118	Yemen	+971-04-344-9200	N/A	yemen@mofa.go.kr
119	Zimbabwe <Malawi, Zambia>	(263-4) 756 541/3/4	(263-4) 756554	admirok@zol.co.zw

※ **Attention!** Applicants from the countries in parentheses < > must apply to the Korean Embassy in the country grouped together. For example, applicants from the Namibia must apply to Angola.

Appendix C. Contact Information of Korean Universities

No	University		TEL (Country code: 82)	FAX (Country code: 82)	Email
1	아주대학교 Ajou University	일반대학원 Grad. Sch.	31-219-2302	31-214-1500	grad@ajou.ac.kr
		국제대학원 Grad. Sch. of International	31-219-1552	331-219-1554	gsis@ajou.ac.kr
2	부산외국어대학교 Busan University of Foreign Studies		51-509-5323		bryankim@bufs.ac.kr
3	전북대학교 Chonbuk National University		63-270-4382	63-270-2099	admissionG@chonbuk.ac.kr
4	전남대학교 Chonnam National University		62-530-1271	62-530-1269	gradia@jnu.ac.kr
5	조선대학교 Chosun University		62-230-6789	62-232-7355	admission@chosun.ac.kr
6	중앙대학교 Chung-Ang University	일반대학원 Grad. Sch.	2-820-6211	2-813-8069	gsadmin@cau.ac.kr
		국제대학원 Grad. Sch. of International	2-820-5623	2-821-8652	ldyoung@cau.ac.kr
		첨단영상대학원 Grad. Sch. of Advanced Imaging Science, Multimedia & Film	2-820-5409	2-814-9110	mcader@cau.ac.kr
		경영전문대학원 Business School	2-820-5038	2-817-4891	caumba@cau.ac.kr
7	충북대학교 Chungbuk National University		43-261-3890	43-268-2068	jiayou@chungbuk.ac.kr
8	충남대학교 Chungnam National University		42-821-8055 42-821-8824	42-823-5875	grad@cnu.ac.kr eunsoo@cnu.ac.kr
9	대구대학교 Daegu University		53-850-5035	53-850-5039	muk@daegu.ac.kr smap703@daegu.ac.kr
10	동아대학교 Dong-A University		51-200-6442~4		bk1016@dau.ac.kr
11	동국대학교 Dongguk University		2-2260-3439	2-2260-3879	scf@dongguk.edu
12	동서대학교 Dongseo University		51-320-2746	51-320-2094	junhohan@gdsu.dongseo.ac.kr

No	University		TEL (Country code: 82)	FAX (Country code: 82)	Email
13	이화여자대학교 Ewha Womans University	일반대학원 Grad. Sch.	2-3277-3817		ienter@ewha.ac.kr
		국제대학원 Grad. Sch. of International	2-3277-3956		joies@ewha.ac.kr
14	가천대학교 Gachon University		31-750-5024		chriskim@gachon.ac.kr
15	강릉원주대학교 Gangneung-Wonju National University		33-640-2767	33-640-2979	ciec@gwnu.ac.kr yhgrin@naver.com
16	광주과학기술원 Gwangju Institute of Science and Technology		62-715-2054		admis@gist.ac.kr
17	경상대학교 Gyeongsang National University		55-772-0273	55-772-0269	hdkim@gnu.ac.kr
18	한림대학교 Hallym University		33-248-1341~4	33-248-1349	iao11@hallym.ac.kr
19	한동대학교 Handong Global University		54-260-1715	54-260-1780	hslee@handong.edu
20	한국외국어대학교 Hankuk University of Foreign Studies		2-2173-2387		jsjoo@hufs.ac.kr
21	한양대학교 Hanyang University		2-2220-2445	2-2281-1784	cwithtt@hanyang.ac.kr
22	홍익대학교 Hongik University	일반대학원 Grad. Sch.	2-320-1253	2-320-1251	my2013@hongik.ac.kr
		국제디자인전문대학원	2-3668-3806	2-3668-3709	crystal@hongik.ac.kr
		국제교류 · 홍보실	2-320-1043~4	2-320-3339	jsyoo@hongik.ac.kr
23	인하대학교 Inha University	일반대학원 Grad. Sch.	32-860-8389	32-865-8623	thekhan@inha.ac.kr
		물류전문대학원 GSL	32-860-8224	32-860-8226	moonyujin@inha.ac.kr nskang88@inha.ac.kr
24	인제대학교 Inje University		55-320-3611, 3642	55-336-0225	heeeq@inje.ac.kr
25	제주대학교 Jeju National University		64-754-8242		intl2@jejunu.ac.kr
26	전주대학교 Jeonju University		63-220-2122, 2319	63-220-2075	jspark@jj.ac.kr jisun9288@jj.ac.kr

No	University		TEL (Country code: 82)	FAX (Country code: 82)	Email
27	한국과학기술원 KAIST(Korea Advanced Institute of Science and Technology)		42-350-2352~4	42-350-2930	advanced.adm@kaist.ac.kr
28	한국개발연구원 국제정책대학원 KDI School of Public Policy and Management		44-550-1281	44-550-1223	internationaladmissions@kdischoo
29	계명대학교 Keimyung University		53-580-6254	53-580-6255	ywoo@gw.kmu.ac.kr
30	공주대학교 Kongju National University		41-850-8054	41-850-8058	lisakim@kongju.ac.kr
31	건국대학교 Konkuk University		2-450-4222		choihs@konkuk.ac.kr
32	국민대학교 Kookmin University		2-910-5835	2-910-5830	enterkmu@kookmin.ac.k r
34	한국산업기술대 Korea Polytechnic University		31-8041-0792		Josefko@kpu.ac.kr
35	한국기술교육대학교 KOREATECH (Korea University of Technology and Education)		41-560-1025		inter@koreatech.ac.kr
36	고려대학교 Korea University	일반대학원 Grad. Sch.	2-3290-1356~8		graduate1@korea.ac.kr
		국제대학원 Grad. Sch. of International	2-3290-1392		gsis@korea.ac.kr
37	금오공과대학교 Kumoh National Institute of Technology		54-478-7223	54-478-7222	eugene@kumoh.ac.kr
38	경희대학교 Kyung Hee University	서울캠퍼스	2-961-0121	2-967-6937	kgsp_gs@khu.ac.kr
		국제캠퍼스	31-201-3500	31-204-8118	khwb3500@khu.ac.kr
39	경북대학교 Kyungpook National University		53-950-6092	53-950-6093	kgsp@knu.ac.kr
40	경성대학교 kyungsung University		51-663-4065	51-663-4069	sarahcho@ks.ac.kr
41	명지대학교 Myongji University		31-330-6734	31-338-9356	gsadmin@mju.ac.kr
42	남서울대학교 Namseoul University		41-580-2772~9		cshj@nsu.ac.kr, nkim@nsu.ac.kr
43	배재대학교 Pai Chai University(PCU)		42-520-5243		ryanpark@pcu.ac.kr

No	University		TEL (Country code: 82)	FAX (Country code: 82)	Email
44	포항공과대학교 POSTECH (Pohang University of Science and Technology)		54-279-3782	54-279-3788	grad- admission@postech.ac.kr
45	부경대학교 Pukyong National University		51-629-6846		sshin@pknu.ac.kr
46	부산대학교 Pusan National University		51-510-3353	51-510-3851	gkspnu@pusan.ac.kr
47	상명대학교 Sangmyung University		2-2287-7085		krpark@smu.ac.kr
48	세명대학교 Semyung University		43-649-1120		willy@semyung.ac.kr
49	서울대학교 Seoul National University		2-880-6971		sck590@snu.ac.kr
50	서울과학기술대학교 Seoul National University of Science and Technology		2-970-9218		takitez@seoultech.ac.kr
51	신라대학교 Silla University		51-999-5480~1		jwchoi@silla.ac.kr
52	서강대학교 Sogang University	일반대학원 Grad. Sch.	2-705-8168	2-705-8166	gradsch@sogang.ac.kr
		국제대학원 Grad. Sch. of International	2-705-8754	2-705-8755	gsis3@sogang.ac.kr
53	숙명여자대학교 Sookmyung Women's University		2-710-9818		admission@sm.ac.kr
54	순천향대학교 Soonchunhyang University		41-530-1649	41-530-1490	lej@sch.ac.kr
55	송실대학교 Soongsil University		2-820-0255	2-824-4381	cgm@ssu.ac.kr grad@ssu.ac.kr
55	순천대학교 Sunchon National University		61-750-3141	61-750-3149	language@scnu.ac.kr
56	성균관대학교 Sungkyunkwan University		2-760-0022		daunkim@skku.edu
57	선문대학교 Sun Moon University		41-530-2604	41-530-2968	pray1024@sunmoon.ac.kr
58	한국학중앙연구원 The Academy of Korean Studies		31-709-8111 (ext. 211) 31-708-5310	31-709-9946	wlee02@aks.ac.kr

No	University		TEL (Country code: 82)	FAX (Country code: 82)	Email
59	울산과학기술대학교 Ulsan National Institute of Science and Technology(UNIST)		52-217-1123	52-217-4139	chaebincho@unist.ac.kr
60	과학기술연합대학원대학교 University of Science & Technology		42-865-2334 42-865-2415	42-864-5554	G_admin@ust.ac.kr foreign@ust.ac.kr
61	서울시립대학교 University Of Seoul		2-6490-6663, 2-6490-6654	2-6490-6664	iice-grad@uos.ac.kr
62	울산대학교 University of Ulsan		52-220-5957	52-224-2061	uou.sean@gmail.com
63	원광대학교 Wonkwang University		63-850-5771	63-850-5753	bon5752@wku.ac.kr
64	우송대학교 Woosong University		42-630-9363		harrygc@wsu.ac.kr
65	영남대학교 Yeungnam University		53-810-7886	53-810-4702	star@ynu.ac.kr
66	연세대학교 Yonsei University	일반대학원 Graduate Sch.	2-2123-3228	2-2123-8652	sunjaelee@yonsei.ac.kr
		국제학대학원 Grad Sch. of International Studies	2-2123-3293	2-2123-8653	gsis@yonsei.ac.kr
		경영전문대학원 Grad. Sch. of Business	2-2123-3254	2-2123-8639	gmba@yonsei.ac.kr
		사회복지대학원 Grad. Sch. of Social Welfare	2-2123-6204	2-2123-8656	mjbai@yonsei.ac.kr